

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG XUÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07/8/2020

*“V/v Tranh chấp ly hôn và chia
tài sản chung khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lý Vũ

2. Bà Đặng Thị Duyên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Trúc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Phú Yên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Phú Yên tham gia phiên toà:* Bà Đỗ Thị Thu Ba – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020 tại Tòa án Nhân dân huyện X, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc *“Tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung khi ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Bích K – Sinh năm: 1991

Địa chỉ: Thôn V, xã S Nam, huyện X, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh P – Sinh năm: 1988

Địa chỉ: Thôn V, xã S Nam, huyện X, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn chị Lê Thị Bích K tại phiên tòa như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh P tự nguyện tìm hiểu khoảng 01 năm thì tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S Nam, huyện X, tỉnh Phú Yên vào ngày 17/02/2014. Sau khi kết hôn, cả hai chung sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc, nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn

trong cuộc sống hôn nhân. Chị và anh P không sống chung với nhau từ tháng 5/2019. Nay nhận thấy tình cảm không còn, cả hai không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn giữa chị và anh P để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung có 01 con chung là Nguyễn Thị Thu T – SN: 13/10/2012. Hiện nay đang ở với chị K. Nguyên vọng của chị K là được nuôi con. Mức cấp dưỡng cả hai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Trong thời gian sống chung cả hai tạo lập được một số tài sản sau:

+ 02 chiếc xe máy: Một chiếc xe máy Trung quốc mua cũ trị giá 1.500.000 đồng để làm nông; một chiếc xe máy hiệu Honda mua cũ trị giá 12.000.000 đồng. Cả hai chiếc xe máy anh P đang quản lý, sử dụng. Chị K đồng ý giao 02 chiếc xe máy cho anh P quản lý, sử dụng.

+ 04 con bò: Anh P đã bán hết với tổng số tiền là 54.000.000 đồng, sau đó trả nợ cho ba chồng là ông Nguyễn Văn H số tiền 29.000.000 đồng. Số tiền 25.000.000 đồng còn lại anh P đang quản lý. Nay chị K yêu cầu anh P thôi lại số tiền 12.500.000 đồng.

+ Vàng 9999: 8,5 chỉ vàng. Số vàng này anh P đang quản lý. Nay chị K yêu cầu anh P đưa lại 4,2 chỉ vàng 9999.

- Về nợ chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại các bản tự khai của bị đơn anh Nguyễn Thanh P có tại hồ sơ như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị Bích K tự nguyện tìm hiểu khoảng 01 năm thì tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S Nam, huyện X, tỉnh Phú Yên vào ngày 17/02/2014. Sau khi kết hôn, sống chung với nhau thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó cả hai thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh P có lần đánh chị K dẫn đến việc vợ chồng ly thân và chị K nộp đơn xin ly hôn. Quá trình hòa giải, anh P không đồng ý ly hôn vì cần thêm thời gian để suy nghĩ.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung có 01 con chung là Nguyễn Thị Thu T – SN: 13/10/2012. Hiện nay đang ở với chị K. Nguyên vọng của anh P là theo nguyên vọng của con. Mức cấp dưỡng cả hai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Trong quá trình sống chung cả hai tạo lập được một số tài sản sau:

+ 02 chiếc xe máy: Một chiếc xe máy Trung quốc mua cũ trị giá 1.500.000 đồng để làm nông; một chiếc xe máy hiệu Honda mua cũ trị giá 12.000.000 đồng. Cả hai chiếc xe máy anh P đang quản lý, sử dụng.

+ 04 con bò: Anh P đã bán hết với tổng số tiền là 54.000.000 đồng, sau đó trả nợ cho ba anh là ông Nguyễn Văn H số tiền 29.000.000 đồng. Số tiền 25.000.000 đồng còn lại anh P đã sử dụng hết.

+ Vàng 9999: 8,5 chỉ vàng. Số vàng này anh P đang quản lý.

- Về nợ chung: Anh P và chị K không có nợ chung.

* Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì;

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Bích K;

- Về con chung: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Ghi nhận sự thỏa thuận của chị K và anh P. Giao cháu Nguyễn Thị Thu T – SN 13/10/2012 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, chị K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết, các bên có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Ghi nhận các tài sản chung của vợ chồng gồm các tài sản sau:

+ 02 chiếc xe máy: Một chiếc xe máy Trung quốc mua cũ trị giá 1.500.000 đồng để làm nông; một chiếc xe máy hiệu Honda mua cũ trị giá 12.000.000 đồng. Cả hai chiếc xe máy anh P đang quản lý, sử dụng.

+ 04 con bò: Anh P đã bán hết với tổng số tiền là 54.000.000 đồng, sau đó trả nợ cho ba chồng là ông Nguyễn Văn H số tiền 29.000.000 đồng. Số tiền 25.000.000 đồng còn lại anh P đã sử dụng hết.

+ Vàng 9999: 8,5 chỉ vàng. Số vàng này anh P đang quản lý.

Ghi nhận sự thỏa thuận của chị K và anh P về việc giao 02 chiếc xe máy cho anh P quản lý, sử dụng.

Đối với số tiền bán bò: Đây là tài sản chung của vợ chồng, anh P đã trả cho ông H 29.000.000 đồng, là nợ chung của vợ chồng anh P, chị K với ông H, chị K cũng thống nhất. Tuy nhiên số tiền 25.000.000 đồng còn lại anh P đã tiêu hết. Chị K yêu cầu anh P đưa lại $\frac{1}{2}$ số tiền còn lại là phù hợp, nên chấp nhận. Buộc anh P pH đưa lại cho chị K số tiền 12.500.000 đồng.

Đối với 8,5 chỉ vàng 9999: Anh P và chị K đều thừa nhận đây là tài sản chung. Số vàng này anh P đang cất giữ. Chị K yêu cầu anh P đưa lại 4,2 chỉ vàng 9999 là phù hợp. Buộc anh P pH đưa lại cho chị K 4,2 chỉ vàng 9999.

- Về án phí: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị K và anh P pH chịu án phí HNGĐ sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Bích K yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh P, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện. Anh P hiện nay đang cư trú tại xã S Nam, huyện X, tỉnh Phú Yên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện X, tỉnh Phú Yên. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng, niêm yết công khai quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đối với anh P theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh P vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Bích K và anh Nguyễn Thanh P kết hôn vào ngày 17 tháng 02 năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S Nam, huyện X, tỉnh Phú Yên. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện, nên hôn nhân của chị K và anh P là hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau, thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh P có lần bạo lực với chị K dẫn đến việc chị K bỏ về nhà mẹ đẻ. Trong thời gian nộp đơn xin ly hôn, cả hai không sống chung với nhau, không nói chuyện với nhau. Tại phiên tòa hôm nay, chị K vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. HĐXX xét thấy giữa chị K và anh P không còn tình cảm, mặc dù anh P mong muốn có thêm thời gian để suy nghĩ, nhưng thời gian dài anh P không liên lạc với chị K và có tình cảm với người khác, xét thấy anh P không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân, hôn nhân giữa chị K và anh P không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K.

[3]. Về con chung: Trong thời gian sống chung có 01 con chung là Nguyễn Thị Thu T – SN 13/10/2012. Hiện nay cháu T đang ở với chị K. Chị K và anh P đều thống nhất giao cháu T cho chị K nuôi dưỡng, tại phiên tòa chị K không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị K và anh P tạo lập được các tài sản sau:

+ 02 chiếc xe máy: Một chiếc xe máy Trung quốc mua cũ trị giá 1.500.000 đồng để làm nông; một chiếc xe máy hiệu Honda mua cũ trị giá 12.000.000

đồng. Cả hai chiếc xe máy anh P đang quản lý, sử dụng. Chị K và anh P thống nhất về việc giao 02 chiếc xe máy cho anh P quản lý, sử dụng nên ghi nhận.

+ 04 con bò: Anh P đã bán hết với tổng số tiền là 54.000.000 đồng, sau đó trả nợ cho ba chồng là ông Nguyễn Văn H số tiền 29.000.000 đồng. Số tiền 25.000.000 đồng còn lại anh P đã sử dụng hết. Đây là tài sản chung của vợ chồng, anh P tự ý quyết định về việc bán bò và trả nợ, tuy nhiên chị K cũng thống nhất với giá mà anh P đã bán và số tiền còn lại sau khi trả nợ. Chị K yêu cầu anh P đưa lại chị số tiền 12.500.000 đồng là phù hợp. Nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị K.

+ 8,5 chỉ vàng 9999: Anh P và chị K đều thừa nhận đây là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, hiện nay anh P đang cất giữ. Chị K yêu cầu anh P đưa lại 4,2 chỉ vàng 9999 là phù hợp. Nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị K, buộc anh P phải đưa lại cho chị K 4,2 chỉ vàng 9999.

[5]. Về nợ chung: Chị K, anh P không có nợ chung nên HĐXX không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị K, anh P phải chịu án phí HNGĐ-ST và DS-ST theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Bích K.**

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Bích K được ly hôn với anh Nguyễn Thanh P.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Thu T – SN 13/10/2012 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng. Chị K không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết, các bên có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Giao 02 chiếc xe máy gồm một chiếc xe máy Trung quốc mua cũ trị giá 1.500.000 đồng để làm nông và một chiếc xe máy hiệu Honda mua cũ trị giá 12.000.000 đồng cho anh P quản lý, sử dụng.

Anh P có trách nhiệm đưa lại chị K số tiền 12.500.000đ (*Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng*) sau khi đã bán hết bò và trả nợ chung. Ngoài ra, anh P còn pH đưa lại cho chị K 4,2 (*bốn phẩy hai*) chỉ vàng 9999 là tài sản chung của vợ chồng.

Về án phí HNGĐ-ST: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Lê Thị Bích K pH chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí HNGĐ-ST và 1.786.000đ (*Một triệu bảy trăm tám mươi sáu ngàn đồng*) án phí DS-ST nhưng được trừ vào số tiền chị K đã nộp tạm ứng án phí 1.625.000đ (*Một triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng*) theo biên lai số AA/2015/0011265 ngày 16/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Phú Yên. Chị K còn pH nộp số tiền 461.000đ (*Bốn trăm sáu mươi một ngàn đồng*)

Anh Nguyễn Thanh P pH chịu 2.489.000đ (*Hai triệu bốn trăm tám mươi chín ngàn đồng*) án phí DS-ST.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Bích K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Thanh P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện (2);
- Chi cục THADS huyện;
- TAND tỉnh PY;
- UBND xã S Nam;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Long

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lý Vũ

Đặng Thị Duyên

Nguyễn Văn Long

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lý Vũ

Hồ Ngọc Ánh

Nguyễn Văn Long

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lý Vũ

Nguyễn Công Hiền

Nguyễn Văn Long

